Bài tập:
Sắp xếp câu
(thêm dấu câu):

1.没 电话 我 打 在
Méi diànhuà wǒ dǎ zài

2.呢 他 在 电脑 买
Ne tā zài diànnǎo mǎi

3.在 衣服 爸爸 呢 洗
Zài yīfu bàba ne xǐ

4.饭 他们 做 在 没
Fàn tāmen zuò zài méi

LIVEWORKSHEETS